

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trương Thị K, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Bị đơn:*** Anh Võ Văn N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2021, chị Trương Thị K trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Võ Văn N kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/9/2012. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh N thường có hành vi bạo lực gia đình nên chị và anh N đã sống ly

thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn N. Về con chung, có hai người tên là Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2012 và Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 06 tháng 5 năm 2016. Cả hai người con hiện do anh N trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu giao cả hai người con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung chị và anh N tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị K.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị K ly hôn với anh N. Giao hai người con chung tên là Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2012 và Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 06 tháng 5 năm 2016 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị K không cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Trương Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Võ Văn N cư trú tại ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K và anh N theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Trương Thị K và anh Võ Văn N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Trương Thị K và anh Võ Văn N là hôn nhân hợp pháp. Chị K yêu cầu ly hôn anh N vì cho rằng quá trình chung sống giữa chị K và anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh N thường có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên các đương sự đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị K cũng như không có thiện chí hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Trương Thị K ly hôn với anh Võ Văn N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có hai người tên là Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2012 và Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 06 tháng 5 năm 2016, chị K yêu cầu giao cả hai người con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị K. Xét thấy, cả hai người con hiện do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên nên giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị Trương Thị K xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, anh Võ Văn N không có ý kiến về vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trương Thị K phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị K ly hôn với anh Võ Văn N.

2. Về con chung: Giao anh Võ Văn N trực tiếp nuôi dưỡng Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2012 và Võ Phú T (giới tính nam), sinh ngày 06 tháng 5 năm 2016. Chị Trương Thị K không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trương Thị K phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012439, ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên chị Trương Thị K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trương Thị K và anh Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Huệ**